

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ gạo hỗ trợ học sinh
trên địa bàn tỉnh Nghệ An, học kỳ I năm học 2023-2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ Chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và các trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định khoảng cách, địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2036/QĐ-BTC ngày 25/9/2023 của Bộ Tài chính và Quyết định số 415/QĐ-TCĐT ngày 25/9/2023 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2345/TTr-SGD&ĐT ngày 29/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng Gạo cấp cho học sinh, học kỳ I, năm học 2023-2024 cụ thể:

- Số tháng được hưởng học kỳ I, năm học 2023-2024: 04 tháng.
- Số gạo còn thừa của học kỳ II năm học 2022-2023 chuyển sang: 23.555 kg (Hai mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi lăm kilôgam).
- Tổng số đối tượng học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ gạo theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ là: 24.332 em
- Tổng số gạo phân bổ hỗ trợ học kỳ I, năm học 2023-2024 cho học sinh tại các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An là: 1.436.365 kg (một triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi lăm kilôgam), được cấp thành 2 đợt:

1. Đợt 1: Cấp trước ngày 20/10/2023, số lượng gạo của tháng 09, tháng 10 năm 2023 là: 746.365 kg (Bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi lăm kilôgam).

2. Đợt 2: Cấp trước ngày 25/11/2023, số lượng gạo của tháng 11, tháng 12 năm 2023 là: 690.000 kg (Sáu trăm chín mươi nghìn kilôgam).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2.

1. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghệ Tĩnh tổ chức vận chuyển, giao gạo trực tiếp cho UBND các huyện, thị xã theo danh sách tại Điều 1, bảo đảm chất lượng, kịp thời, đầy đủ.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã liên quan:

- Phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghệ Tĩnh tổ chức tiếp nhận, cấp phát gạo cho các trường học trên địa bàn đảm bảo kịp thời, tiện lợi và tiết kiệm chi phí vận chuyển.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tiếp nhận, cấp gạo kịp thời, đúng đối tượng học sinh được hỗ trợ.

3. Kinh phí thực hiện việc xuất kho, vận chuyển, giao nhận gạo hỗ trợ cho học sinh được thực hiện theo quy định hiện hành; UBND các huyện, thị xã chủ động trích ngân sách địa phương để vận chuyển gạo cho học sinh, sau đó tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc tỉnh, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghệ Tĩnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Dự trữ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, Đức).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long



DANH SÁCH

Phân bổ gạo hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 3148 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023)

TT	Đơn vị	Tổng số học sinh thuộc đối tượng thụ hưởng	Nhu cầu gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2023-2024 (kg)	Số gạo học kỳ II năm học 2022-2023 phân bổ còn thừa (+), thiếu (-)	Tổng nhu cầu gạo đề nghị phân bổ của học kỳ I năm học 2022-2023 (4 tháng)	Đề nghị phân bổ	
						Đợt 1	Đợt 2
						Số gạo hỗ trợ tháng 09, 10 năm 2023 (kg)	Số gạo hỗ trợ tháng 11, 12 năm 2023 (kg)
A	B	(1)	(2)=(1)x15x4	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)	(6)=(4)-(5)
1	Huyện Kỳ Sơn	8.591	515.460	20.700	494.760	250.760	244.000
2	Huyện Tương Dương	4.578	274.680	240	274.440	140.440	134.000
3	Huyện Con Cuông	2.396	143.760	300	143.460	73.460	70.000
4	Huyện Anh Sơn	22	1.320		1.320	1.320	0
5	Huyện Tân Kỳ	23	1.380		1.380	1.380	0
6	Huyện Thanh Chương	823	49.380	- 60	49.440	25.440	24.000
7	Huyện Đô Lương (tại trường THPT Đô Lương 1)	1	60		60	60	0
8	Huyện Quỳnh Lưu (tại trường THPT Quỳnh Lưu 4)	8	480		480	480	0
9	Huyện Nghĩa Đàn	387	23.220	210	23.010	23.010	0
10	Thị xã Thái Hòa (tại trường THPT Đông Hiếu, Tây Hiếu)	13	780		780	780	0
11	Huyện Quỳnh Hợp	2.612	156.720	975	155.745	80.745	75.000
12	Huyện Quỳnh Châu	1.818	109.080	670	108.410	55.410	53.000
13	Huyện Quế Phong	3.060	183.600	520	183.080	93.080	90.000
Tổng cộng		24.332	1.459.920	23.555	1.436.365	746.365	690.000